

22 TRƯỜNG HỢP KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT KHÔNG ĐƯỢC BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT

22

■ Nguyễn Hoàng Thắng¹

Thông thường khi Nhà nước thu hồi đất, người sử dụng đất sẽ được bồi thường. Tuy nhiên, pháp luật còn quy định 22 trường hợp thu hồi đất mà không được bồi thường về đất.

Theo quy định tại Điều 82 Luật Đất đai 2013, khi Nhà nước thu hồi đất sẽ không bồi thường về đất trong các trường hợp sau:

I. 05 trường hợp không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại

1. Đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất, trừ trường hợp đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối được giao đất nông nghiệp trong hạn mức giao đất;

2. Đất được Nhà nước giao cho tổ chức thuộc trường hợp có thu tiền sử dụng đất nhưng được miễn tiền sử dụng đất;

3. Đất được Nhà nước cho thuê trả tiền thuê đất hàng năm; đất thuê trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê nhưng được miễn tiền thuê đất, trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất thuê do thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng;

4. Đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn;

5. Đất nhận khoán để sản xuất nông lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối.

II. Đất được Nhà nước giao để quản lý

Theo Điều 82 Luật Đất đai 2013, Nhà nước giao đất cho tổ chức hoặc cộng đồng dân cư quản lý, khi thu hồi sẽ không được bồi thường về đất, cụ thể:

6. Đất được giao cho tổ chức để quản lý:

+ Tổ chức kinh tế được giao quản lý diện tích đất để thực hiện dự án đầu tư theo hình thức xây dựng - chuyển giao (BT) và các hình thức khác theo quy định của pháp luật về đầu tư;

+ Tổ chức được giao quản lý đất có mặt nước của các sông và đất có mặt nước chuyên dùng.

7. Đất được giao cho Chủ tịch UBND cấp xã quản lý sử dụng vào mục đích công cộng.

8. Đất được giao cho cộng đồng dân cư quản lý.

III. Thu hồi đất do vi phạm pháp luật và thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất

* Các trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai, gồm:

9. Sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất và đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng đất không đúng mục đích mà tiếp tục vi phạm;

10. Người sử dụng đất cố ý hủy hoại đất;

11. Đất được giao, cho thuê không đúng đối tượng hoặc không đúng thẩm quyền;

12. Đất không được chuyển nhượng, tặng cho mà nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho;

13. Đất được Nhà nước giao để quản lý mà để bị lấn, chiếm;

14. Đất không được chuyển quyền sử dụng đất theo quy định mà người sử dụng đất do thiếu trách nhiệm để bị lấn, chiếm;

15. Người sử dụng đất không thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và đã bị xử phạt vi phạm hành

1 - Đơn vị Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh

chính mà không chấp hành (ví dụ: Không nộp thuế, tiền sử dụng đất...);

16. Đất không được sử dụng, cụ thể:

- Đất trồng cây hàng năm không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục;

- Đất trồng cây lâu năm không được sử dụng trong thời hạn 18 tháng liên tục;

- Đất trồng rừng không được sử dụng trong thời hạn 24 tháng liên tục;

17. Đất được Nhà nước giao, cho thuê để thực hiện dự án đầu tư mà không được sử dụng hoặc chậm tiến độ, cụ thể:

- Đất được Nhà nước giao, cho thuê để thực hiện dự án đầu tư mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục;

- Tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa phải đưa đất vào sử dụng.

Lưu ý: Trường hợp không đưa đất vào sử dụng thì chủ đầu tư được gia hạn sử dụng 24 tháng và phải nộp cho Nhà nước khoản tiền tương ứng với mức tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với thời gian chậm tiến độ thực hiện dự án trong thời gian này; hết thời hạn được gia hạn mà chủ đầu tư vẫn chưa đưa đất vào sử dụng thì Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp do bất khả kháng.

* Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất

Theo khoản 3 Điều 82 Luật Đất đai 2013, khi Nhà nước thu hồi đất trong các trường hợp quy

định tại điểm a, b, c và d Điều 65 Luật Đất đai 2013 thì sẽ không được bồi thường về đất, cụ thể:

18. Tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước bị giải thể, phá sản, chuyển đi nơi khác, giảm hoặc không còn nhu cầu sử dụng đất; người sử dụng đất thuê của Nhà nước trả tiền thuê đất hàng năm bị giải thể, phá sản, chuyển đi nơi khác, giảm hoặc không còn nhu cầu sử dụng đất;

19. Cá nhân sử dụng đất chết mà không có người thừa kế;

20. Người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất;

21. Đất được Nhà nước giao, cho thuê có thời hạn nhưng không được gia hạn.

IV. Không đủ điều kiện cấp Sổ đỏ

22. Không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (gọi tắt là Sổ đỏ) theo quy định của Luật Đất đai 2013, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai, cụ thể:

Đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01/7/2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có Sổ đỏ hoặc không đủ điều kiện cấp Sổ đỏ theo quy định của Luật Đất đai 2013 thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp.

(Nguồn: Trang thông tin điện tử <https://luatvietnam.vn>; Luật Đất đai 2013).

MỘT SỐ QUY ĐỊNH MỚI CỦA CHÍNH PHỦ. (Tiếp theo trang 4)

3. Trường hợp cơ sở đang hoạt động có tính chất như mục 2. nếu không có công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường thì phải có kế hoạch xây lắp, gửi cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; sau khi hoàn thành, phải lập hồ sơ xác nhận hoàn thành công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo thủ tục kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Trên cơ sở các quy định mới, cơ sở đang hoạt động cần rà soát các giải pháp quản lý chất thải

rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và nước thải đang áp dụng để chủ động có kế hoạch tổ chức thực hiện cho phù hợp và đúng lộ trình quy định.

Nghị định số 40/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2019 và bãi bỏ một số quy định đang áp dụng tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu (khoản 5 và khoản 9 Điều 9, điểm a và điểm b khoản 1 Điều 27, Điều 38, Điều 41, điểm b khoản 1 Điều 43, khoản 3 Điều 44).

MỘT SỐ QUY ĐỊNH MỚI CỦA CHÍNH PHỦ VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI MÀ CHỦ DỰ ÁN, CHỦ CƠ SỞ ĐANG HOẠT ĐỘNG CẦN NẮM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

■ Lâm Quang Trung¹

Ngày 13/5/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 40/2019/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường. Trong đó, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP đã có sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan về công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và nước thải mà các chủ dự án (đối tượng chuẩn bị đầu tư dự án mới) và các chủ cơ sở (đối tượng đang hoạt động) cần nắm rõ và tổ chức thực hiện, một số quy định mới như sau:

A. VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

1. Đối tượng để chủ dự án, chủ cơ sở chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt phát sinh bao gồm:

a) Cơ sở tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý và xử lý có chức năng phù hợp;

b) Chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng quy định tại Điều 18 Nghị định này; tổ chức thực hiện nhiệm vụ dịch vụ công ích thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao.

2. Chủ dự án, chủ cơ sở được tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thì phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Phải phù hợp với quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận hoặc giấy tờ tương đương;

b) Thực hiện bằng công nghệ, công trình bảo vệ môi trường, thiết bị sản xuất sẵn có trong khuôn viên cơ sở phát sinh chất thải rắn sinh hoạt và phải đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường (trừ chất thải rắn sinh hoạt thuộc nhóm hữu cơ dễ phân hủy phát sinh từ các phương tiện thăm dò, khai thác dầu khí ngoài khơi).

B. VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

1. Đối với các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại dự án, cơ sở phải được phân loại thành 03 nhóm sau:

a) Nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường được tái sử dụng, tái chế làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất;

b) Nhóm chất thải rắn sử dụng trong sản xuất vật liệu xây dựng và san lấp mặt bằng;

c) Nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý bằng các phương pháp đốt, chôn lấp, hoàn nguyên các khu vực đã kết thúc khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và phương pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan;

Trong trường hợp chất thải rắn công nghiệp thông thường không được phân loại thì phải được xử lý theo quy định tại mục c) này.

2. Chủ dự án, chủ cơ sở phải phân loại, trang bị thiết bị lưu chứa, khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý quy định tại biểu mẫu đính kèm (chi tiết tại điểm A Phụ lục III Mục III).

3. Chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường cho các đối tượng sau:

a) Chủ cơ sở sản xuất sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu sản xuất, sản xuất vật liệu xây dựng hoặc san lấp mặt bằng được phép hoạt động theo quy định của pháp luật;

b) Chủ cơ sở sản xuất đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận phương án đồng xử lý chất thải;

c) Chủ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường có chức năng phù hợp;

d) Chủ vận chuyển chất thải rắn công nghiệp

¹ - Đơn vị Chi cục Bảo vệ Môi trường

thông thường đáp ứng quy định tại Điều 31 Nghị định này và đã có hợp đồng chuyển giao giữa chủ vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường và các đối tượng được quy định tại điểm a, b hoặc điểm c khoản này.

4. Chủ dự án, chủ cơ sở phải sử dụng biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường cho mỗi lần chuyển giao theo biểu mẫu quy định (chi tiết tại Phụ lục IV Mục III).

5. Việc chủ dự án, chủ cơ sở tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh hoặc chứng nhận đầu tư, văn bản đăng ký đầu tư và các giấy tờ khác tương đương theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện bằng công nghệ, công trình bảo vệ môi trường, thiết bị sản xuất sẵn có trong khuôn viên cơ sở phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường và phải bảo đảm đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định. Đối với lò đốt chất thải, bãi chôn lấp chất thải rắn công nghiệp thông thường đầu tư trong khuôn viên cơ sở để tự xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phải phù hợp với nội dung quản lý chất thải rắn trong các quy hoạch liên quan;

c) Phải phù hợp với quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương.

6. Lập báo cáo quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường định kỳ hàng năm và báo cáo đột xuất về tình hình phát sinh chất thải rắn

công nghiệp thông thường theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

C. VỀ QUẢN LÝ NƯỚC THẢI

1. Dự án, cơ sở phát sinh nước làm mát (bao gồm cả nước làm mát có sử dụng chlorine hoặc hóa chất khử trùng để diệt vi sinh vật) phải thực hiện các giải pháp: tách biệt riêng với chất thải phát sinh; có hệ thống thu gom riêng; phải thực hiện các biện pháp giải nhiệt bảo đảm nhiệt độ nước làm mát không vượt quá quy định giới hạn về nhiệt độ như đối với nước thải công nghiệp trước khi xả ra môi trường; việc xả nước làm mát ra môi trường thông qua cửa xả tách biệt với cửa xả nước thải.

Trường hợp xả chung nước thải và nước làm mát tại một cửa xả ra môi trường, phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục một số thông số ô nhiễm đặc trưng đối với dòng nước thải đó trước khi nhập chung với nước làm mát. Các cơ sở đã hoạt động và xây dựng trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì phải hoàn thành việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục trước ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. Dự án thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, hệ thống xử lý nước thải (không bao gồm các cơ sở đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung) phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường và có công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Điều 101, Điều 108 và Điều 109 Luật bảo vệ môi trường và phải được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Chủ dự án căn cứ vào đặc điểm, tải lượng của dòng thải phát sinh để lựa chọn giải pháp kỹ thuật cho phù hợp, cụ thể:

STT	Quy mô lượng nước thải phát sinh, m ³ /ngày (24 giờ)	Công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố nước thải	Yêu cầu khả năng lưu chứa
1	Từ 50 đến <500	Bể sự cố	Tối thiểu là 01 ngày hoặc có khả năng quay vòng xử lý lại nước thải
2	Từ 500 đến <5.000	Hồ sự cố	Tối thiểu là 02 ngày hoặc có khả năng quay vòng xử lý lại nước thải
3	Từ 5.000 trở lên	Hồ sự cố kết hợp hồ sinh học	Tối thiểu là 03 ngày hoặc có khả năng quay vòng xử lý lại nước thải

Yêu cầu chung: công trình đảm bảo không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố của hệ thống xử lý nước thải

(Xe,m tiếp trang 2)

HỘI NGHỊ SƠ KẾT THỰC HIỆN DỰ ÁN XÂY DỰNG BẢNG GIÁ ĐẤT 05 NĂM (2020 - 2024) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH

■ Nguyễn Đức Tín¹

Ngày 25/7/2019, UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị sơ kết Ban chỉ đạo xây dựng Bảng giá đất 05 năm (2020 – 2024) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Mục đích của hội nghị nhằm báo cáo tình hình thực hiện dự án, đánh giá tồn tại hạn chế của bảng giá đất hiện hành và tổng hợp tiếp thu những ý kiến đóng góp để hoàn thiện và triển khai thực hiện các giai đoạn tiếp theo của dự án có hiệu quả.

Thành phần tham dự Hội nghị gồm các Thành viên Ban chỉ đạo (BCĐ) theo Quyết định số 451/2019/QĐ-UBND ngày 20/3/2019; Thành viên Tổ công tác giúp việc theo Quyết định số 677/2019/QĐ-BCĐXDBGD ngày 18/4/2019; Phòng tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố; Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường cùng lãnh đạo các phòng, đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Theo báo cáo tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất thị trường được thông qua

tại hội nghị (do đơn vị tư vấn Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường thực hiện), tổng số lượng phiếu điều tra thực tế của dự án là 12.197/11.875 mẫu (đạt 102,71 % so với dự án), điều tra thu thập thông tin về các yếu tố tự nhiên đạt 106/106 điểm (đạt 100 % so với dự án). Dựa trên kết quả điều tra thực tế của dự án, đơn vị tư vấn đã rà soát và đánh giá những tồn tại hạn chế của bảng giá đất hiện hành, đồng thời tổng hợp ý kiến đóng góp và đề xuất kết cấu (khung), nội dung chính trong Bảng giá đất (dự thảo) của Thành viên Ban chỉ đạo, các Sở, Ban ngành và địa phương hội nghị đã đề xuất dự thảo cho Bảng giá đất. Dựa trên kết quả tổng hợp ý kiến đóng góp, hội nghị đã thông qua dự thảo Bảng giá đất 05 năm (2020 – 2024) tỉnh Trà Vinh gồm có 03 chương và 20 điều (trong đó giữ nguyên 05 điều và điều chỉnh 15 điều), đồng thời bổ sung mới 243 tuyến đường, tăng giá 290 tuyến đường hiện có, tách 02 tuyến đường và hủy 06 tuyến đường trên địa bàn tỉnh.



1 - Đơn vị Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh

Kết thúc hội nghị, ông Trần Anh Dũng, Trưởng ban chỉ đạo xây dựng Bảng giá đất kết luận một số ý chính như sau:

- Thống nhất các đề xuất sửa đổi, bổ sung các nội dung tồn tại hạn chế của bảng giá đất hiện hành, trong đó đặc biệt lưu ý các ý kiến góp ý của Thanh tra Chính phủ; sửa đổi các quy định áp dụng nhất là phân loại vị trí đất phải sử dụng câu đơn nghĩa, dễ hiểu, dễ áp dụng để không còn khế nại như thời gian qua.

- Giá các loại đất phải đảm bảo phù hợp tình hình thực tế tại từng địa phương đảm bảo xử lý hài hòa giữa quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, nằm trong khung giá chính phủ quy định; bám sát ý kiến của đại biểu tham dự để điều chỉnh và lựa chọn phương án cho phù hợp; thống nhất điều chỉnh giá đất nông nghiệp tại đô thị, cấp các tuyến đường giao thông lớn tăng không quá 50% so với khung giá của Chính phủ.

- Căn cứ vào dự án và Kế hoạch của Ban Chỉ đạo, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các ban ngành, địa phương, chỉ đạo đơn vị tư vấn khẩn trương thực hiện các bước công việc còn lại đảm bảo tiến độ đến ngày 13/10/2019 trình dự thảo Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) để UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp cuối năm, thời gian cụ thể như sau:

1) Thành viên Ban chỉ đạo, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan gửi ý kiến đóng góp (theo phiếu) trước ngày 02/8/2019 về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp;

(2) Xây dựng dự thảo Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) gửi lấy ý kiến Ban chỉ đạo và địa phương từ ngày 23 đến ngày 30/8/2019;

(3) Tổ chức hội nghị BCD lần 2 trong khoảng từ ngày 16 - 20/9/2019.

(4) Sau Hội nghị lần 2, hoàn thiện tất cả các tài liệu, thủ tục trình Hội đồng thẩm định cấp tỉnh, trình Sở Tư pháp thẩm định kết quả xây dựng Bảng giá đất trước ngày 02/10/2019.

- Đối với các Sở, Ban ngành và địa phương phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát các bất cập, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện bảng giá đất trong thời gian qua. Tham mưu đề xuất mức giá đất đối với các loại đất nông nghiệp, giá đất theo tuyến đường, đề xuất bổ sung giá đất cho các tuyến đường mới đã đầu tư nhưng chưa được quy định giá đất.

- Sau khi nhận dự thảo Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) các đơn vị, địa phương tổ chức họp cấp ủy để thống nhất và gửi văn bản đóng góp ý kiến về Sở Tài nguyên và Môi trường trước 30/8/2019 để tổng hợp chuẩn bị cho hội nghị Ban chỉ đạo lần tiếp theo.

HƯỚNG DẪN THỦ TỤC CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT (Tiếp theo trang 11)

trị - xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức sự nghiệp công lập và tổ chức khác theo quy định của pháp luật về dân sự).

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện thủ tục: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

8. Phí, lệ phí: không có thu.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn xin phép chuyển mục đích sử dụng đất theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT.

- Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Văn bản chứng minh đã ký quỹ đầu tư theo Luật Đầu tư.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

HỘI NGHỊ

Đánh giá tình hình quản lý, khai thác tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

■ Nguyễn Thị Đoàn Diễm¹

Sáng ngày 22/8/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh tổ chức Hội nghị đánh giá tình hình quản lý, khai thác tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo tinh thần chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 2740/UBND-NN ngày 22/7/2019.

Sở Tài nguyên và Môi trường với sự tham dự của ông Trần Văn Hùng, Giám đốc Sở, chủ trì Hội nghị cùng đại diện các phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Sở. Các đại biểu tham dự Hội nghị là đại diện các sở, ban, ngành tỉnh; đại diện Ủy ban nhân dân, Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã nơi có hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản; đại diện các tổ chức được cấp phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, còn có sự phối hợp thực hiện của Cổ phần RYNAN Technologies Việt Nam.

Hội nghị đã thông qua Báo cáo đánh giá tình hình quản lý, khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh thời gian qua; tuyên truyền, phổ biến Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; đồng thời, đại diện Cổ phần RYNAN Technologies Việt Nam giới thiệu về thiết bị giám sát khai thác tài nguyên cát sông, cát biển.

Tại Hội nghị, các đại biểu đại diện cho các cơ quan, đơn vị; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các xã nơi có hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản đã có ý kiến trao đổi thẳng thắn những vấn đề chưa rõ, những hạn chế bất cập, khó khăn vướng mắc trong thực tiễn, kinh nghiệm trong công tác quản lý tài nguyên khoáng sản. Đặc biệt, các đại biểu giới thiệu về mô hình hoạt động hiệu quả trong thời gian qua như: Câu lạc bộ “Phát hiện, tố giác, vây bắt tội phạm liên ấp Tân Qui 1 và Tân Qui 2” của huyện Cầu Kè và “Chốt theo dõi, kiểm tra tình hình khai thác khoáng sản (cát sông) trên địa bàn huyện Càng Long”. Từ khi các mô hình đi vào



Quang cảnh Hội nghị

hoạt động đã phát hiện, tố giác kịp thời, kéo giảm tình trạng khai thác khoáng sản cát sông trái phép trên địa bàn. Các đại biểu cũng nhất trí cùng phối hợp triển khai thực hiện nghiêm túc Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh.

Bên cạnh đó, đại diện các tổ chức được cấp phép trên địa bàn tỉnh thống nhất cao sẽ nghiêm túc thực hiện trách nhiệm của mình trong hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản đúng quy định tại Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND cũng như chấp hành tốt các quy định của pháp luật về khoáng sản.

Kết thúc Hội nghị, ông Trần Văn Hùng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đã cảm ơn và đánh giá cao sự phối hợp của các sở, ban, ngành và địa phương liên quan trong việc tổ chức thực hiện công tác quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh; đồng thời đề nghị các đại biểu tiếp tục nghiên cứu, vận dụng tốt các nội dung đã được trao đổi, thảo luận, các mô hình quản lý phù hợp với thực tế ở từng địa phương, nhằm góp phần cho công tác quản lý tài nguyên khoáng sản trong thời gian tới được chặt chẽ, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật.

1 - Đơn vị Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường

HỘI NGHỊ GIAO BAN THÁNG 8/2019 SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

■ Quách Thiện Nhựt¹

Ngày 19/8/2019, tại Hội trường Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh, Giám đốc Sở chủ trì cuộc họp giao ban tháng 8 năm 2019 để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thường xuyên của Sở. Tham dự cuộc họp có Ban Lãnh đạo Sở; Trưởng, phó các phòng, cơ quan, đơn vị thuộc Sở, Kế toán trưởng. Tại Hội nghị, đại diện Lãnh đạo Văn phòng Sở, đại diện Lãnh đạo phòng, đơn vị thuộc Sở báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tháng 8, kế hoạch công tác tài nguyên và môi trường tháng 9 năm 2019. Đồng thời, kết quả thực hiện ý kiến kết luận tháng 7 năm 2019 của Giám đốc Sở, kết quả thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và tiến độ thực hiện các dự án được giao.

Nhận định tình hình hiện nay, khối lượng công việc được giao nhiều, khuyết Ban Lãnh đạo Sở, các dự án giải ngân chậm, nhiều công việc gặp khó khăn, vướng mắc chưa được tháo gỡ... Vì vậy, các Trưởng các phòng, cơ quan, đơn vị phải có kế hoạch, phân công và kiểm tra chặt chẽ, nâng cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm, sâu sát, tham mưu công việc chuyên môn có chất lượng để hoàn thành nhiệm vụ chung của ngành.

Sau khi tiếp thu các ý kiến thảo luận của đại biểu dự họp, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường kết luận chỉ đạo các lĩnh vực cụ thể như sau:

1. Giao Chánh văn phòng Sở:

Phối hợp với Trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở chuẩn bị nội dung đề xuất với Đoàn kiểm tra do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy chủ trì đến làm việc tại Sở; Trình UBND tỉnh Đề án tăng cường nhân lực cho cán bộ địa chính, môi trường cấp xã; Phối hợp các phòng, đơn vị thuộc Sở viết lại các quy trình ISO. Các phòng, đơn vị khẩn trương thực hiện đến hết ngày 30/8, đảm bảo chất lượng, gửi về Văn phòng



Hệ thống xử lý chất thải

Quang cảnh Hội nghị

Sở tổng hợp chung; Phối hợp với Quản lý đất đai, Văn phòng đăng ký đất đai theo dõi, đôn đốc báo cáo kết quả triển khai thực hiện các nội dung nêu trong báo cáo số 58, số 59, số 60 của Hội đồng nhân dân tỉnh, đảm bảo thời gian theo tinh thần các Công văn chỉ đạo số 2625, số 2626 và số 2745 của UBND tỉnh; Phối hợp Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường rà soát, tiếp tục báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông những khó khăn, vướng mắc trong quá trình vận hành I-OFFICE; Kế toán trình bổ sung kinh phí 2019 (kiểm kê đất đai, tập huấn, Camera giám sát, học tập).

2. Giao Chi cục trưởng Chi cục Quản lý đất đai:

Tham mưu Sở báo cáo UBND tỉnh kiến nghị HĐND tỉnh xin chờ Nghị định của Chính phủ hướng dẫn về tích tụ đất đai được ban hành (theo Chương trình công tác của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong tháng 11/2019) sẽ tiếp tục hoàn thiện dự thảo trình UBND tỉnh để thông qua HĐND tỉnh; Khẩn trương chỉnh sửa, trình ngay sửa đổi Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc quy định diện tích tối thiểu được phép

1 - Đơn vị: Đài Phát thanh truyền hình Trà Vinh

Văn phòng Sở
Tài nguyên và
Môi trường tỉnh
Trà Vinh

tách thửa; Triển khai dự án đất công; Tăng cường kiểm tra thực hiện hồ sơ địa chính Cầu Ngang, đảm bảo hoàn thành đăng ký kế hoạch và tiến độ đề ra. Rà soát đơn vị tư vấn nào thực hiện chậm tiến độ tham mưu Giám đốc Sở cho gia hạn thời gian lần cuối đến hết 30/9 hoặc 30/10 để nâng tỷ lệ hoàn thành lên cao. Nếu hết thời gian gia hạn mà còn chậm tiến độ thì giao Chi cục Quản lý đất đai tham mưu đề xuất hướng xử lý theo quy định và thông báo rộng rãi sau này không chọn những đơn vị tư vấn này nữa; Hướng dẫn, giám sát chặt chẽ kết quả thực hiện kiểm kê đất đai; Theo dõi kết quả xây dựng bảng giá đất đạt kế hoạch Ban chỉ đạo đã đề ra; Đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt dự án đánh giá ô nhiễm đất; Khẩn trương thực hiện tốt các dự án được giao theo đúng Kế hoạch; Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch sử dụng đất 2020 cấp huyện; Tham mưu Danh mục trình HĐND đảm bảo chất lượng, tránh thiếu sót; Theo dõi chặt chẽ vụ thu hồi đất Seotra, vụ Nông trường Mỏ Quạ,... Báo cáo, đôn đốc thực hiện thủ tục hành chính các đơn vị cổ phần hóa: Trung tâm đào tạo lái xe, Bến xe Trà Vinh, Trung tâm nước sạch VSMT nông thôn; Tiếp tục thực hiện các hồ sơ thủ tục hành chính về đất đai và các dự án lĩnh vực đất đai theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Giao Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai:

Trình dự án đánh giá hiện trạng và đầu tư xây dựng Kho lưu trữ và phương tiện làm việc của 09 chi nhánh cấp Huyện; Trình đề án áp dụng đơn giá sự nghiệp; Hoàn thiện và đẩy nhanh tiến độ dự án quét hồ sơ địa chính Càng Long và tham mưu dứt điểm dự án cấp giấy cho tổ chức và cơ sở tôn giáo để phối hợp xử lý; Tập trung, có giải pháp hỗ trợ thành phố Trà Vinh ổn định hoạt động, xử lý các hồ sơ quá hạn tại TPTV, huyện Duyên Hải và huyện Châu Thành; Tập huấn nội bộ về kiến thức pháp lý (khâu thẩm định cấp giấy) chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trồng lúa, ghi nợ tiền sử dụng đất,... tập huấn về nâng cao trình độ kỹ thuật; Xử lý các trường hợp xác nhận thế chấp, tặng cho đất trồng lúa.

4. Giao Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất:

Sớm nghiên cứu, đề xuất cơ chế tự chủ tài chính của Trung tâm; Báo cáo tổng hợp tình hình

giải phóng mặt bằng toàn tỉnh (09 huyện, thị, thành phố), báo cáo chi tiết 34 công trình GPMB đã và đang thực hiện. Tiếp tục thực hiện các công trình GPMB đúng tiến độ; Báo cáo kết quả kiểm tra 27 khu đất giao Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý; Khẩn trương trình UBND tỉnh: Quy chế bán đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Trình dự thảo quy định trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

5. Giao Trưởng phòng Quản lý tài nguyên và Biển:

Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc nạo vét luồng chung, luồng riêng của BQL dự án Nhiệt điện 3 (Tổng Công ty phát điện 1) theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường; Theo dõi, tập trung xử lý các thủ tục hành chính, phần mềm thuộc dự án điện gió; Đề nghị đơn vị tư vấn tiếp thu các ý kiến góp của Bộ, Ngành. Trình phê duyệt dự án hành lang bảo vệ vùng bờ biển tỉnh Trà Vinh; Kiểm tra, theo dõi, thực hiện thủ tục việc xin hạ độ cao bãi đổ bùn của Công ty Hàm Giang; Trình phương án khoanh định và khai thác khoáng sản, rà soát Nghị quyết 61/HĐND và báo cáo rà soát, kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các doanh nghiệp hết hạn giấy phép khai thác cát sông báo cáo, đề xuất và lập các thủ tục gia hạn đúng theo quy định; đề xuất giải pháp thi hành Nghị định số 67/2019/NĐ-CP; Tổ chức tốt hội thảo về khoáng sản; Theo dõi, đẩy nhanh tiến độ các dự án: Điều tra, đánh giá và khoanh định khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất; Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Đánh giá khí hậu tỉnh Trà Vinh và 15 trạm quan trắc AMD; Thống nhất cử cán bộ dự tập huấn chuyển giao công nghệ đo đạc khoáng sản, lòng sông, số lượng không giới hạn.

6. Giao Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường:

- Đóng góp, sửa đổi Nghị định số 155/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực BVMT, gửi ý kiến đóng góp của Sở; Tập trung cao độ, tìm giải pháp đẩy nhanh tiến độ dự án gói thầu đốt rác, thực hiện hoàn thành đấu thầu gói thầu chôn lấp rác; Đánh giá, rà soát dự án chôn rác điều chỉnh vốn giảm trình UBND tỉnh; Tham

muu dứt điểm việc bàn giao, theo dõi, quản lý, vận hành tốt 02 trạm quan trắc môi trường không khí tự động, truyền số liệu quan trắc môi trường tự động theo Công văn số 1729/BTNMT-TCMT ngày 16/4/2019 của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường; Hoàn thành các báo cáo gửi UBND tỉnh về Dự án đánh giá ảnh hưởng của Trung tâm điện lực Duyên Hải đến đời sống, sản xuất của người dân; Tập trung hoàn thành bàn giao 03 lò đốt cho 03 huyện; Thống kê định lượng các kết quả thực hiện 02 chỉ tiêu Nghị quyết Trung ương; Theo dõi tốt các hồ chôn heo bệnh dịch tả lợn Châu Phi; Đẩy nhanh dự án xây dựng mô hình thu gom rác đúng tiến độ, mua sắm cho TTKT (SME); Trình Kế hoạch thực hiện Nghị định số 40/2019/NĐ-CP và Kế hoạch chấm điểm Chỉ thị 15, Chỉ thị 48; Báo cáo tham luận gửi Bộ Tài Nguyên và Môi Trường về tiêu chí môi trường nông thôn mới; Triển khai mô hình Camera giám sát; Mời Công ty Kim Hoàng Phát và liên ngành xử lý dự án đốt rác của Trà Cú; Báo cáo giám sát môi trường Nhà máy điện Duyên Hải quý III/2019; Nghiên cứu tham mưu đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc mở lớp tập huấn chuyên đề lấy mẫu phân tích, để quản lý xử phạt nước thải.

7. Giao Chánh Thanh tra Sở:

Khẩn trương báo cáo kết quả kiểm tra của C19 Duyên Hải, Khu 200 ha của Hàm Giang, để khẩn trương tổng hợp báo cáo chuẩn bị tiếp xúc cử tri thời gian tới; Tập trung tham mưu xử lý dứt điểm vi phạm về khai thác cát sông không có giấy phép hoặc trình UBND tỉnh quyết định trong thời gian còn thời hiệu Luật định; Theo dõi, kiểm tra chặt chẽ Công ty Phú Thành, DNTN Nguyễn Trình, Công ty CP xây dựng và Phát triển nhà Trà Vinh điểm Phường 4, đề xuất giải pháp xử lý dứt điểm; Kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra các trường hợp phân lô bán nền hàng loạt không đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 41, Điều 42 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định; Bám sát thực hiện tốt Quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND tỉnh về phê duyệt Danh mục thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm 2019 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đạt yêu cầu và tiến độ; Báo cáo, rà soát kết quả thực hiện sân bay Long Toàn, đề xuất giải pháp xử lý; Báo cáo, giám sát kết quả kiểm tra dự án chợ Nhị Long.

8. Giao Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin - Tài nguyên và Môi trường:

Phối hợp Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức mittinh làm cho thế giới sạch hơn trong tháng 9, lồng ghép nội dung thực hiện Chỉ thị hạn chế rác thải nhựa theo chỉ đạo của UBND tỉnh; Thúc đẩy dự án tăng cường xây dựng CSDL quản trị môi trường (giai đoạn 1), đẩy nhanh thẩm định, trình phê duyệt và khởi động các thủ tục đấu thầu; Hoàn thiện dự án xây dựng tích hợp CSDL tài nguyên và môi trường giai đoạn 2020-2025 ở mức khởi động dự án lấy ý kiến và phê duyệt chủ trương; Dự án máy chủ mua sắm, cài đặt vận hành I-OFFICE cho đủ 455 tài khoản làm việc của ngành hoạt động thông suốt, xây dựng 02 tài khoản (Facebook, Zalo) để hoạt động trước với cộng đồng và doanh nghiệp; Rà soát theo dõi việc sử dụng từng tài khoản I-OFFICE, báo cáo vào giao ban tháng 9 để có chấn chỉnh, uốn nắn; Đặt hàng: Quét hồ sơ thuê, giao, thu hồi đất tổ chức, doanh nghiệp. Lập ứng dụng lập biểu mẫu bằng công nghệ lĩnh vực đất đai, môi trường; Về đích đúng hạn các nhiệm vụ sự nghiệp được giao theo Quyết định của Giám đốc Sở.

9. Giao Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường:

Khẩn trương thực hiện Bảng giá đất 05 năm (2020 – 2024) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đúng nội dung, số lượng, đảm bảo tiến độ và chất lượng theo kế hoạch Ban Chỉ đạo tỉnh đã ban hành. Trình Dự thảo Bảng giá đất 05 năm; Khẩn trương rà soát, báo cáo, thực hiện Giấy phép chứng nhận môi trường của Bộ TNMT; Phối hợp Trung tâm PTQĐ tham mưu thực hiện giấy phép đo đạc bản đồ, đào tạo định giá;...

10. Giao Ban Quản lý dự án VILG:

Trình văn bản phân công nhiệm vụ từng thành viên BQL DA, họp BQL DA để giao nhiệm vụ, phân công trách nhiệm; Trình nội dung Ủy quyền Giám đốc BQL DA giao cho Phó Giám đốc BQL DA;...

Ngoài việc tổ chức giao ban định kỳ, báo cáo thành thị, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Văn phòng Sở theo dõi sát công việc chuyên môn của Sở, về tiến độ thực hiện công việc trong thời hạn 02 tuần sẽ tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Sở 01 lần.

HƯỚNG DẪN

THỦ TỤC CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP PHẢI ĐƯỢC PHÉP CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN ĐỐI VỚI TỔ CHỨC

Đinh Thị Nhanh

■ **Đặng Văn Mừng¹**

1. Trình tự thực hiện:

- Kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì phát phiếu hướng dẫn; Nếu hồ sơ hợp lệ thì nhận hồ sơ, nhập dữ liệu trên phần mềm tiếp nhận hồ sơ và xuất biên nhận cho tổ chức/cá nhân; chuyển hồ sơ đến Chi cục Quản lý đất đai (CCQLĐĐ) thực hiện.

- Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ; xác minh thực địa, thẩm định nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất.

- Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

- Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính.

- Người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

2. Cách thức thực hiện:

Tổ chức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Người sử dụng đất nộp 01 bộ hồ sơ, gồm:

(1) Đơn xin phép chuyển mục đích sử dụng đất.

(2) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

(3) Văn bản thẩm định điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc để cho thuê hoặc để bán kết hợp cho thuê theo quy định của pháp luật về nhà ở; dự án đầu tư kinh doanh bất động sản gắn với quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản; dự án sản xuất, kinh doanh không sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước

4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

- Thời hạn giải quyết: Không quá 25 ngày, (địa bàn huyện Càng Long thì 15 ngày làm việc). Cụ thể:

+ Sở Tài nguyên và Môi trường: Không quá 21 ngày.

+ UBND tỉnh Trà Vinh: Không quá 04 ngày (ban hành QĐ cho phép CMĐ + QĐ cho thuê đất).

Thời gian giải quyết tính từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức (gồm cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính

1 - Đơn xin ~~Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh~~

TỔ CHỨC THỰC HIỆN KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI VÀ LẬP BẢN ĐỒ HIỆN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH

■ Nguyễn Quốc Dân ¹

Đất đai là tài nguyên quốc gia vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, là địa bàn phân bố các khu dân cư, xây dựng các cơ sở kinh tế, văn hoá xã hội, an ninh và quốc phòng.

Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, việc sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả các nguồn lực, đặc biệt là tài nguyên đất đai đang là một đòi hỏi hết sức cấp bách. Do vậy nhu cầu nắm chắc, quản lý chặt tài nguyên đất, lập quy hoạch, kế hoạch để sử dụng tài nguyên hữu hạn này một cách hiệu quả và bền vững nhất là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách đối với các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013, Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế để kiểm kê, đánh giá đầy đủ, thực trạng nguồn lực đất đai nhằm tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng đất cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững và Chương trình điều tra thống kê quốc gia ban hành theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17/6/2019 về việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019; ngày 14/7/2019, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Phương án thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 tại Quyết định số 1762/QĐ-BTNMT; ngày 14/8/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Quyết định số 1560/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

1. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 (gọi tắt là Kiểm kê đất đai năm 2019) nhằm:

- Đánh giá thực trạng tình hình sử dụng đất đai của từng đơn vị hành chính các cấp xã, huyện, tỉnh, các vùng kinh tế - xã hội và cả nước để làm cơ sở đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất đai của các cấp trong giai đoạn năm 2015 - 2019, đánh giá được sự biến động đất đai so với chu kỳ 5 năm, 10 năm trước và đề xuất cơ chế, chính sách, biện pháp nhằm tăng cường quản lý nhà nước về đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất;

- Làm cơ sở cho việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp giai đoạn 2021 - 2030 và xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Biên soạn chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0101 - Diện tích đất và cơ cấu đất.

Điều tra thu thập, xử lý, tổng hợp, công bố và lưu trữ dữ liệu kiểm kê phải được thực hiện nghiêm túc. Kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 phải được thực hiện đầy đủ, chính xác, đúng thời gian; bảo đảm tính khách quan, trung thực, phản ánh thực tế sử dụng đất.

2. NHIỆM VỤ

- Việc kiểm kê đất đai phải xác định được đầy đủ số liệu về diện tích đất tự nhiên của các cấp hành chính (xã, huyện, tỉnh); diện tích các loại đất, các loại đối tượng đang quản lý, sử dụng đất đến thời điểm kiểm kê tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019; trong đó:

+ Diện tích các loại đất theo quy định tại Điều 10 của Luật Đất đai năm 2013; diện tích các loại đối tượng đang sử dụng đất, đối tượng đang quản lý đất theo quy định tại Điều 5 và Điều 8 của Luật Đất đai năm 2013. Trong đó, kiểm kê chi tiết các loại đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng;

1 - Đơn vị: Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh

+ Diện tích đất ngập nước, đất khu bảo tồn thiên nhiên, đất cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo quy định tại Điều 16 và Điều 35 của Luật Đa dạng sinh học;

+ Tình hình sử dụng đất do doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp cổ phần hóa quản lý sử dụng; đất do các ban quản lý rừng và các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp sử dụng; đất tại các dự án xây dựng nhà ở thương mại; đất xây dựng các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh; đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích.

- Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 phải phản ánh được sự phân bố của các loại đất kiểm kê theo từng đơn vị hành chính các cấp xã, huyện, tỉnh.

- Việc kiểm kê đất đai năm 2019 phải đánh giá được thực trạng tình hình quản lý, sử dụng đất; tình hình biến động đất đai trong 5 năm qua của từng đơn vị hành chính; nhất là việc quản lý, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; việc chấp hành pháp luật đất đai của các tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất; làm rõ nguyên nhân hạn chế, tồn tại; đề xuất đổi mới cơ chế, chính sách, pháp luật đất đai và các biện pháp tăng cường quản lý, sử dụng đất để khắc phục hạn chế, tồn tại hiện nay.

3. THỜI HẠN KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2019

Thời gian hoàn thành công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất và báo cáo kết quả kiểm kê đất đai được quy định như sau:

- Đối với cấp xã triển khai thực hiện từ ngày 01/8/2019, hoàn thành và báo cáo kết quả trước ngày 16/01/2020.

- Đối với cấp huyện hoàn thành và báo cáo kết quả trước ngày 01/3/2020.

- Đối với cấp tỉnh triển khai thực hiện điều tra kiểm kê đất đai chuyên đề từ ngày 01/8/2019; hoàn thành và báo cáo kết quả trước ngày 16/4/2020.

4. NỘI DUNG KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2019

4.1. Nội dung kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất định kỳ năm 2019 theo Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT

- Thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất đối với các loại đất, loại đối tượng sử dụng đất và đối tượng quản lý đất theo quy định tại Mục 1 Chương II của Thông tư

số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất (sau đây gọi là Thông tư số 27/2018/TT- BTNMT); các chỉ tiêu loại đất, loại đối tượng sử dụng đất và đối tượng được Nhà nước giao quản lý đất phải kiểm kê, tổng hợp được quy định tại hệ thống biểu mẫu, Phụ lục số 02, Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT.

- Việc kiểm kê đất đai phải xác định được đầy đủ số liệu về diện tích đất tự nhiên của các cấp hành chính; diện tích các loại đất, các loại đối tượng đang quản lý, sử dụng đất đến thời điểm kiểm kê tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019;

- Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 phải phản ánh được sự phân bố của các loại đất kiểm kê theo từng đơn vị hành chính các cấp xã, huyện, tỉnh, các khu công nghiệp, kinh tế;

- Trên cơ sở số liệu điều tra kiểm kê phải phân tích đánh giá được thực trạng, cơ cấu sử dụng các loại đất, tình hình biến động đất đai trong 5 năm qua; qua đó đánh giá tình hình quản lý đất đai của từng địa phương, nhất là việc quản lý, thực hiện quy hoạch sử dụng đất; việc chấp hành pháp luật đất đai của các tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất; làm rõ nguyên nhân hạn chế, yếu kém; đề xuất đổi mới cơ chế, chính sách, pháp luật đất đai và các biện pháp tăng cường quản lý, sử dụng đất trong các năm tới.

4.2. Nội dung kiểm kê đất đai chuyên đề thực hiện theo yêu cầu tại Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Chỉ thị số 15/CT-TTg)

Ngoài những nội dung kiểm kê được quy định tại Thông tư 27/2018/TT-BTNMT, việc kiểm kê hiện trạng sử dụng đất năm 2019 cần kiểm kê chi tiết một số loại đất theo yêu cầu của Chỉ thị 15/CT-TTg, gồm:

2019 Tình hình quản lý, sử dụng đất của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa.

- Tình hình quản lý, sử dụng đất của các ban quản lý rừng và các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp.

- Tình hình quản lý, sử dụng đất tại các dự án xây dựng nhà ở thương mại (đối với các dự án chưa hoàn thành, chưa bàn giao cho các đối tượng quản lý, sử dụng).

- Tình hình quản lý, sử dụng đất xây dựng các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh.

- Tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất nông nghiệp vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là quỹ đất công ích xã).

Trên địa bàn tỉnh Trà Vinh không có trường hợp giao quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của cấp xã; tuy nhiên UBND cấp xã có quản lý đất công được UBND tỉnh giao hoặc được ghi nhận trên hồ sơ địa chính. Do đó trong kỳ kiểm kê năm 2019, tiến hành kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất công do cấp xã quản lý.

- Diện tích đất ngập nước ven biển.

4.3. Nội dung kiểm kê đất đai chuyên đề theo Quyết định 1762/QĐ-BTNMT ngày 14/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Kiểm kê đối với diện tích đất sạt lở, bồi đắp bị sạt lở, bồi đắp trong 5 năm qua theo loại đất; diện tích sạt lở vùng bờ sông; diện tích sạt lở vùng bờ biển.

- Kiểm kê hiện trạng sử dụng đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất theo các tiêu chí quản lý.

- Kiểm kê hiện trạng sử dụng đất các xã đảo theo các tiêu chí: tổng diện tích; diện tích đang sử dụng vào mục đích nông nghiệp; diện tích đã sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp; diện tích chưa sử dụng.

thực hiện công tác

Trên đây là một số nội dung cơ bản về công tác thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 xin cung cấp đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân được biết.

CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN CHÂU THÀNH TÍCH CỰC HƯỚNG ỨNG PHÒNG TRÀO THI ĐUA ... (Tiếp theo trang 17)

chương trình này nên được tổ chức thường xuyên và định kỳ dưới các chiến dịch tuyên truyền, vận động và sau mỗi đợt cần phải có đánh giá tổng kết rút kinh nghiệm để điều chỉnh lại nội dung tuyên truyền phù hợp.

Các đối tượng hướng đến bao gồm:

- Người tiêu dùng.
- Nhà bán lẻ/phân phối.
- Nhà sản xuất túi ni lông.

Nội dung tuyên truyền gồm có:

- Tác hại của túi ni lông đối với kinh tế- xã hội, môi trường và sức khỏe cộng đồng.

- Định hướng người tiêu dùng chuyển sang sử dụng các loại túi thân thiện với môi trường, các loại túi sử dụng nhiều lần.

- Các biện pháp giảm sử dụng, tái sử dụng túi ni lông trong đời sống hàng ngày.

- Ý nghĩa của phân loại và tái chế túi ni lông.

3. XÂY DỰNG MỘT HỆ THỐNG THU GOM, TÁI CHẾ, TÁI SỬ DỤNG TÚI NI LÔNG:

Tuy được sản xuất để sử dụng một lần nhưng một số ít vẫn được các hộ gia đình tái sử dụng cho các mục đích trong gia đình, chủ yếu là lót thùng rác, bao gói thực phẩm, vật dụng... Vì giá trị kinh

tế của túi ni lông loại mỏng này không cao nên mặc dù vẫn có một số cơ sở tái chế, chúng không được các đại lý ve chai thu mua, vì vậy, cuối cùng vẫn được thải bỏ lẫn với rác sinh hoạt hoặc phát tán khắp nơi gây ô nhiễm môi trường .

Để tăng cường thu gom và tái chế loại túi ni lông đang rất thông dụng này, cơ quan quản lý cần phối hợp với các khu dân cư, các chung cư... bố trí các điểm thu gom dành riêng cho túi ni lông. Trước mắt, trong giai đoạn đầu có thể phối hợp bố trí các điểm thu gom tại các siêu thị, trung tâm thương mại. Có thể khuyến khích khách hàng giao nộp túi ni lông bằng cách tính điểm thưởng trong phiếu thưởng theo số lượng túi giao nộp. Sau đó, các điểm thu gom sẽ dần được mở rộng trên khắp các địa bàn. Việc vận hành và duy trì các điểm thu gom này có thể giao cho các đơn vị tái chế túi ni lông đảm nhận.

Có thể nói, việc thay đổi thói quen sử dụng túi ni lông của người dân không thể thực hiện được trong ngày một, ngày hai mà cần phải có thời gian lâu dài. Tuy nhiên, cùng với sự vào cuộc của các cấp, các ngành, ngay từ bây giờ, mỗi chúng ta nên tự giác thực hiện hạn chế, tiến tới loại bỏ bỏ thói quen sử dụng túi nilon để bảo vệ sức khỏe bản thân, gia đình và góp phần bảo vệ môi trường sống của chúng ta.



■ ~~Đinh Thị Nhanh~~¹

Theo công bố của Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), mỗi năm chúng ta thải ra một khối lượng nhựa đủ để trải quanh Trái đất bốn lần, có khoảng 500 tỷ túi nhựa được tiêu thụ trên thế giới. Theo ước tính, sẽ có thêm 33 tỷ tấn nhựa được sản xuất vào năm 2050 và một phần lớn trong số đó sẽ nằm trong các đại dương nơi mà nó sẽ tồn tại trong nhiều thế kỷ. Với đặc tính bền vững trong tự nhiên, rác thải nhựa (chai nhựa, túi nilon, hộp đựng đồ ăn,...) cùng với các chất gây ô nhiễm môi trường khác đã và đang tác động tiêu cực đến môi trường, kinh tế, xã hội và sức khỏe con người. Chất thải nhựa trở thành một thách thức lớn đối với cộng đồng và xã hội¹.

Khoảng 2/3 lượng nhựa đã sản xuất được thải vào môi trường và vẫn đang tồn tại ở dạng nào đó như các mảnh vỡ trong đại dương, các hạt vi nhựa... trong không khí, đất nông nghiệp, nguồn nước hay trong cơ thể con người². Có hơn 99% nhựa được sản xuất từ hóa chất có nguồn gốc từ nhiên liệu hóa thạch³, do vậy việc sản xuất và sử dụng các sản phẩm nhựa góp phần gây cạn kiệt nguồn tài nguyên, tác động xấu môi trường. Đồng thời còn gây ra các nguy cơ tiềm ẩn về sức khỏe thông qua việc hít, nuốt và tiếp xúc trực tiếp qua da các loại hóa chất độc hại trong suốt vòng đời của nhựa.

Tuy nhiên, bài viết dưới đây chỉ đề cập đến một số ảnh hưởng của rác thải đến môi trường.

1. ĐỊNH NGHĨA VỀ NHỰA

Nhựa là polymer, được tạo ra bởi sự kết hợp nhiều đơn vị, để tạo ra các polyme, dầu mỏ và các

sản phẩm khác được làm nóng trong điều kiện kiểm soát và được chia thành các phân tử nhỏ hơn được gọi là monome.

Nhựa nhiệt dẻo: là một họ nhựa có thể tan chảy khi nóng và đóng rắn khi nguội, vật liệu nhựa nhiệt dẻo phổ biến nhất.

Nhựa nhiệt rắn là một họ nhựa trải qua thay đổi hóa học khi đun nóng, có khả năng chuyển sang trạng thái không gian 3 chiều. Sau khi chúng được làm nóng và tạo hình, các nhựa này không thể nóng chảy lại nữa.

2. TÁC HẠI CỦA NHỰA ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Theo công bố của Liên hợp quốc, mỗi năm thế giới sử dụng khoảng 5 nghìn tỷ túi nilon và mỗi phút có 1 chai nhựa được sử dụng, trong đó ít nhất 13 triệu tấn rác thải nhựa và nilon bị đẩy vào đại dương. Rác thải nhựa và túi nilon chiếm khoảng 10% tổng lượng rác thải do con người tạo ra⁸.

Tính đến năm 2015, khoảng 6.300 tấn chất thải nhựa đã được tạo ra, khoảng 9% trong số đó đã được tái chế, 12% được thiêu hủy và 79% được tích lũy trong các bãi chôn lấp hoặc môi trường tự nhiên⁵.

Do thời gian phân hủy quá chậm trong khi thời gian sử dụng lại ngắn, khả năng lưu giữ các thành phần độc hại lâu nên khi khối lượng rác thải nhựa tăng nhanh sẽ gây tác động xấu tới môi trường và sức khỏe cộng đồng; đồng thời là nguyên nhân gây ô nhiễm không khí, đất, nước và đại dương.

Nguyễn
Minh
Hiếu

Trung tâm Công nghệ
thông tin tài nguyên và
môi trường tỉnh Trà Vinh

1 - Đơn vị Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh

a. Ô nhiễm môi trường không khí

Ô nhiễm không khí có thể xảy ra trong quá trình khoan tìm kiếm nguyên liệu và vận chuyển nguyên liệu đến nơi sản xuất, quá trình này có thể làm phát sinh benzene, VOC và hơn 170 hóa chất độc hại khác. Việc chuyển đổi nhiên liệu hóa thạch thành nhựa và chất phụ gia giải phóng chất gây ung thư và các chất độc hại vào không khí như Benzene, PAHs và Styrene⁶.

Các công nghệ quản lý chất thải nhựa (bao gồm thiêu đốt, khí hóa và nhiệt phân) dẫn đến việc phát thải kim loại độc hại như chì và thủy ngân, điôxin, furan, khí axit, và các chất độc hại khác vào không khí, nước, và đất.

Tại các khu vực chôn lấp thường chứa các loại nhựa khác nhau, các loài vi sinh vật (Pseudomonas, vi khuẩn ăn nylon và Flavobacteria) có sẽ phân hủy nhựa, quá trình này làm phát thải khí methane gây hiệu ứng nhà kính.

b. Môi trường đất

Với đặc tính bền trong môi trường tự nhiên, phải mất một thời gian rất lâu, có thể lên tới hàng trăm năm, những rác thải nhựa này mới có thể phân hủy được. Chôn lấp rác thải nhựa (điển hình là túi nilon) có thể làm thay đổi tính chất vật lý của đất, gây xói mòn, làm cho đất không giữ được nước, chất dinh dưỡng, ngăn cản oxi đi qua đất...

c. Môi trường nước

Với thời gian tồn tại trong nước, rác thải nhựa bị phân rã thành những mảnh nhỏ (gọi là hạt vi nhựa). Nhiều nghiên cứu gần đây đã phát hiện hạt vi nhựa tồn tại trong muối, nước uống đóng chai, thủy hải sản, rong biển... dẫn đến việc tồn tại hạt vi nhựa trong chuỗi thức ăn.

Một số tác hại của nhựa đối với đại dương được ghi nhận như sau:

Tác động trực tiếp

Nuốt: Chim biển, rùa biển, cá và động vật có vú biển thường nhầm lẫn những mảnh nhựa là thức ăn. Việc nuốt phải các mảnh nhựa hay hạt vi nhựa có thể dẫn đến đói hoặc suy dinh dưỡng vì khi các mảnh vụn tích tụ trong dạ dày khiến con vật cảm thấy no, đồng thời ngăn cản quá trình hấp thụ chất dinh dưỡng. Ngoài ra, có thể gây chấn thương bên trong cơ thể hoặc nhiễm trùng.

Vướng mắc: sinh vật biển có thể bị vướng vào các mảnh vỡ nhựa trên biển gây thương tích ng-

hiêm trọng hoặc tử vong. Điều này dẫn đến nghẹt thở, chết đuối, chết đuối, tăng tính dễ bị tổn thương trước kẻ săn mồi hoặc thương tích khác.

Thay đổi hệ sinh thái: Việc vớt bỏ các loại nhựa trên biển có thể cản trở sự di chuyển, làm tổn hại các loài sinh vật biển.

Tác động gián tiếp

Thay đổi hệ sinh thái: việc sử dụng các thiết bị cào, máy kéo hoặc các thiết bị cơ khí khác để loại bỏ các mảnh vụn nhựa trên biển từ các bãi biển, bờ biển có thể gây tác động xấu đến môi trường sống.

Nguy cơ xuất hiện các loài xâm lấn: một số loài có thể sử dụng các mảnh vụn nhựa trên biển như một loại “bè” để di chuyển từ vùng này đến vùng khác, làm tăng nguy cơ xuất hiện các loài sinh vật lạ tại khu vực.

Ngoài ra còn gây ảnh hưởng đến đánh bắt thủy hải sản, do các mảnh nhựa tồn tại trong môi trường sống gây ảnh hưởng đến nhiều loài thủy hải sản làm giảm chất lượng và số lượng đánh bắt, từ đó tác động đến hiệu quả kinh tế.

3. CÁC GIẢI PHÁP CẦN QUAN TÂM HIỆN NAY

Sự gia tăng lượng rác thải nhựa là một thách thức lớn cho môi trường và sức khỏe cộng đồng bởi với đặc tính bền trong môi trường tự nhiên, phải mất một thời gian rất lâu, mới có thể phân hủy được, vì thế cần có những biện pháp để hạn chế lượng rác thải nhựa này:

Chú trọng các giải pháp chính sách và quản lý việc phát sinh chất thải nhựa, giảm thiểu hoặc cấm sử dụng các loại sản phẩm nhựa dùng 1 lần.

Nâng cao chất lượng, thay đổi hình thức tuyên truyền nhằm khuyến khích cộng đồng hạn chế sử dụng các sản phẩm từ nhựa, thay thế bằng sản phẩm thân thiện môi trường (nguồn gốc từ thiên nhiên như lá chuối, gỗ, tre ...).

Tuyên truyền, phổ biến, phát triển giải pháp đó là Từ chối – Giảm thiểu – Tái sử dụng – Tái chế – Phân hủy.

Hướng tới sản xuất sạch, giảm thiểu các chất thải nhựa trong công nghiệp, phát triển các công nghệ thu hồi và tái chế chất thải nhựa đảm bảo an toàn môi trường.

(Nguồn: <https://ione.vnexpress.net>).

CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN CHÂU THÀNH TÍCH CỰC HƯỚNG ỨNG PHONG TRÀO THI ĐUA “HÀNH ĐỘNG ĐỂ GIẢM THIỂU NHỰA VÀ NI LÔNG” TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

Trần Vũ Linh¹

Hiện nay, túi nylon đã trở nên quen thuộc trong đời sống sinh hoạt hàng ngày của cộng đồng. Với ưu điểm bền, chắc, tiện dụng và giá thành thấp, túi nylon, đặc biệt là các loại túi siêu mỏng được sử dụng phổ biến và hầu như có mặt ở mọi nơi, lưu hành từ các hàng bán rau, trái cây, thịt, cá, cho đến các siêu thị, cửa hàng bán lẻ, những người bán hàng rong, len lỏi vào mọi nơi của cuộc sống hiện đại. Ngoài ra, chúng còn được sử dụng rất nhiều để đóng gói thực phẩm, bột giặt, bảo quản nước đá, các loại chế phẩm hóa học hay đựng những phế liệu nhỏ. Lợi ích của túi nylon thì thấy trước mắt nhưng ảnh hưởng của nó đến môi trường và sức khỏe thì hầu như người sử dụng đều không ai chú ý đến.

Thực hiện Công văn số 4907/BTNMT-TĐKTTT ngày 11/9/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Kế hoạch số 44/KH-STNMT ngày 25/10/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh về việc phát động phong trào thi đua “Hành động để giảm thiểu ô nhiễm nhựa và ni lông”

Ngay từ đầu năm Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành đã đề xuất và tiến hành thực hiện một số biện pháp nhằm giảm thiểu và tái sử dụng túi ni lông như sau:

1. SỬ DỤNG CÁC LOẠI TÚI ĐỰNG HÀNG THAY THẾ

Để có thể hạn chế và xa hơn là cấm sử dụng túi ni lông, trước hết phải xác định loại hình túi đựng hàng có thể thay thế túi ni lông ít gây ảnh hưởng xấu đến môi trường. Trên cơ sở đó, cơ quan quản lý sẽ đưa ra chính sách nhằm định hướng người bán lẻ cũng như người tiêu dùng chuyển từ sử dụng túi ni lông sang loại túi đựng hàng thân thiện với môi trường hơn một cách tự nguyện hay bắt buộc. Tuy



Túi ni lông tự hủy sản xuất từ bột mì

nhiên tác hại do túi ni lông sẽ giảm nhưng đồng thời cũng có thể phát sinh ra những vấn đề khác nghiêm trọng hơn từ những túi thay thế. Vì vậy, cần lựa chọn một loại túi vừa đảm bảo về mặt môi trường nhưng cũng phải phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội ở nước ta.

Dựa vào kinh nghiệm của một số nước đi trước cũng như trên thực tế có thể sử dụng một số loại túi đựng hàng thay thế túi ni lông hiện đang có trên thị trường như:

- Túi giấy.
- Túi vải sử dụng nhiều lần.
- Túi ni lông tự hủy, phân hủy sinh học.

2. TUYÊN TRUYỀN NÂNG CAO NHẬN THỨC CỘNG ĐỒNG:

Đây là giải pháp không thể thiếu trong các chương trình môi trường, ảnh hưởng không nhỏ đến thành công của các giải pháp giảm sử dụng túi ni lông khác. Mặc dù chi phí tốn kém, các

1 - Đơn vị Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường



Rác thải nhựa đang là hiểm họa môi trường toàn cầu. Cùng với các quốc gia trên thế giới, Việt Nam đang nỗ lực để loại bỏ ô nhiễm do rác thải nhựa gây ra. Mục tiêu đến năm 2020 sẽ giảm 65% số lượng túi nilon phân hủy dùng tại các siêu thị và các trung tâm thương mại lớn.

Hiện nay trên thế giới cứ mỗi phút có 01 triệu chai nhựa được bán ra, mỗi năm 5.000 tỷ túi nilon được tiêu thụ. Còn ở Việt Nam, thống kê bình quân, mỗi hộ gia đình sử dụng khoảng 01 kg túi nilon/tháng. Riêng Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh trung bình mỗi ngày thải ra môi trường khoảng 80 tấn nhựa và nilon. Điều đáng lo ngại là phải mất hàng trăm, thậm chí hàng nghìn năm, các chất thải từ nhựa và ni lông mới phân hủy hết, gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người, đe dọa các hệ sinh thái và sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia.

Theo đánh giá của Bộ Tài nguyên và Môi trường, thực trạng ô nhiễm rác thải nhựa, túi nilon hiện nay rất nghiêm trọng, lượng chất thải nhựa và túi nilon ở Việt Nam hiện vẫn ở mức rất cao, chiếm khoảng 8-12% trong chất thải rắn sinh hoạt. Thế giới đã đánh giá tỉ lệ chất thải nhựa phát sinh đối với nước có thu nhập trung bình như Việt Nam chiếm 12% lượng chất thải rắn phát sinh. Nếu trung bình 10% số lượng chất thải nhựa và túi nilon không được tái sử dụng mà thải bỏ hoàn toàn, lượng chất thải nhựa và túi nilon thải bỏ ở Việt Nam sẽ xấp xỉ 2,5 triệu tấn/năm. Số lượng rác thải nhựa, túi nilon thải ra tăng dần theo từng năm. Đây là một “gánh nặng” cho môi trường, thậm chí còn dẫn đến thảm họa mà các chuyên gia môi trường gọi là “ô nhiễm trắng”. Và đó là mối quan tâm lo ngại, hàng đầu.

Trước thực trạng trên từ năm 2011 đến nay, hàng năm Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh

thường xuyên phối hợp với các đơn vị ký kết liên tịch thực hiện công tác tập huấn tuyên truyền nâng cao nhận thức, kỹ năng tuyên truyền về BVMT, biến đổi khí hậu, đã tổ chức 85 lớp cho 7.974 đối tượng như Đoàn cơ sở các cấp; thành viên các tổ hợp tác, hợp tác xã; Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, huyện, xã; Hội nông dân, cán bộ Mặt trận cơ sở, chức sách tôn giáo; Cán bộ phụ trách môi trường cấp huyện, xã,... để các đối tượng được tập huấn và nhân dân nhận thức được vai trò của công tác BVMT và trách nhiệm của mình.

Để tiếp tục phát huy vai trò bảo vệ môi trường, năm 2019 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh giao Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thực hiện và phối hợp với các đơn vị có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện Kế hoạch: Tuyên truyền, tập huấn nâng cao kiến thức bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu; Vừa qua Trung tâm Công nghệ thông tin đã hoàn thành xong các buổi tập huấn cụ thể như sau:

1. NỘI DUNG THỰC HIỆN:

Tổ chức 08 lớp, khoảng 920 đại biểu tham dự lớp tập huấn nâng cao kiến thức bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu gồm:

- + Thành phố Trà Vinh: 01 lớp, số lượng 88 người/lớp;
- + Huyện Càng Long: 01 lớp, số lượng 120 người/lớp;
- + Huyện Cầu Kè: 01 lớp, số lượng 96 người/lớp;
- + Huyện Tiểu Cần: 01 lớp, số lượng 96 người/lớp;
- + Huyện Châu Thành: 01 lớp, số lượng 120 người/lớp;

1 - Đơn vị ~~Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh~~

Trung tâm Công nghệ thông tin - tài nguyên và môi trường tỉnh Trà Vinh

+ Huyện Cầu Ngang: 01 lớp, số lượng 128 người/lớp;

+ Huyện Trà Cú: 01 lớp, số lượng 144 người/lớp;

+ Thị xã Duyên Hải: 01 lớp, số lượng 128 người/lớp (bao gồm thị xã Duyên Hải: 66 người và huyện Duyên Hải: 66 người)

2. NỘI DUNG TẬP HUẤN:

+ Chuyên đề 1: Tuyên truyền Chỉ thị số 15 – CT/TU; Vấn đề thu gom và xử lý rác thải nhựa, thuốc BVTV; Tác hại của rác thải nhựa và túi nilong.

+ Chuyên đề 2: Hiện trạng môi trường tỉnh Trà Vinh và tác động của biến đổi khí hậu đến sự phát triển kinh tế - văn hóa – xã hội của tỉnh;

+ Chuyên đề 3: Vai trò và trách nhiệm của các Hội, đoàn thể (trong đó nòng cốt là Hội Cựu chiến binh các cấp, các Câu lạc bộ môi trường của Hội).

Bên cạnh đó Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh tiếp tục in bướm tin (tuyên truyền chỉ thị số 15-CT/TU ngày 28/12/2016 của Ban thường vụ Tỉnh Ủy và kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh; Một số quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT (Nghị định 155/2016/NĐ-CP); 10 nguyên tắc vàng chế biến thực phẩm an toàn; Các hoạt động

cải thiện cảnh quan môi trường, chỉnh trang đô thị,...) để cấp phát cho các buổi tập huấn, các lễ mittinh cho Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố để đến tay người dân. Ngoài ra, Sở Tài nguyên và môi trường tiến hành phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Trà Vinh thực hiện phát sóng 04 chuyên mục với chủ đề “Môi trường với biến đổi khí hậu” trong năm 2019 nhằm tăng cường tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường đến người dân.

Để tiếp nối và lan tỏa, các phong trào bảo vệ môi trường, nâng cao ý thức BVMT của người dân, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh sẽ tiếp tục duy trì, tổ chức các cuộc tập huấn, các hoạt động BVMT đến gần với người dân.

Hy vọng qua các buổi tuyên truyền này sẽ góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng về “Bảo vệ môi trường”, mỗi người dân sẽ thay đổi hành vi, thói quen sử dụng túi ni lông, sản phẩm nhựa khó phân hủy, sử dụng một lần ngay hôm nay và ngay bây giờ vì một Việt Nam xanh, vì Trái đất xanh.

(Nguồn: Kế hoạch Tuyên truyền, tập huấn nâng cao kiến thức bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu được phê duyệt tại Quyết định số 485/QĐ-STNMT ngày 22/3/2019 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường).

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH TRÀ VINH TRIỂN KHAI SỬ DỤNG HỆ THỐNG I-OFFICE

■ Lý Thị Hồng Vân ¹

Thực hiện Công văn số 159/STTTT-BCVTCNTT ngày 10/02/2019 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc gửi nhận văn bản điện tử trên hệ thống mới i-Office và Thông báo số 175/TB-STNMT ngày 02/7/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường về thời gian chính thức sử dụng hệ thống quản lý văn bản, điều hành công việc I-Office. Văn phòng đăng ký đất đai đã tiến hành vận dụng và tập huấn sử dụng hệ thống I-Office tại các phòng chuyên môn và các Chi nhánh.

Hệ thống I-Office được vận dụng nhằm giúp cơ quan dễ dàng quản lý, tra cứu, tìm kiếm văn bản liên quan đến công việc đang xử lý, tiết kiệm được thời gian và chi phí trong việc gửi nhận văn bản do các văn bản được gửi liên thông qua hệ thống đến các cơ quan, đơn vị trong tỉnh. Thực hiện theo tinh thần thông báo số 175/TB-STNMT ngày 02/7/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường,

Văn phòng đăng ký đất đai đã triển khai đến toàn bộ viên chức và người lao động đồng loạt sử dụng tiếp nhận thông tin chỉ đạo điều hành và chuyển giao văn bản trên hệ thống I – Office.

Để đảm bảo quá trình sử dụng cho toàn thể người lao động tại các phòng chuyên môn và Chi nhánh được diễn ra thuận lợi Văn Phòng đăng ký đất đai đã tổ chức hướng dẫn sử dụng hệ thống I – Office cho các phòng chuyên môn và các Chi nhánh trực thuộc, từ đó giúp người lao động có thể tiếp cận nhanh và sử dụng thành thạo hệ thống đảm bảo bắt kịp tiến độ để xử lý và vận hành văn bản tốt hơn. Sau quá trình tập huấn đến nay đa số người lao động tại Văn phòng đăng ký đất đai và các Chi nhánh đã sử dụng tốt hơn, mọi vướng mắc trong quá trình sử dụng điều được người lao động gửi về Văn phòng đăng ký đất đai để được giải đáp và xử lý kịp thời.

... [Nội dung cần thêm vào: 1 - Đơn vị Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh](#)



A. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN THÁNG 8 NĂM 2019

I. Khí tượng:

1. Diễn biến tình hình thời tiết trong tỉnh:

Tháng 8/2019 thời tiết của tỉnh phổ biến: nhiều mây, có mưa rào và dông nhiều nơi, có nơi mưa vừa mưa to, ngày nắng gián đoạn. Lượng mưa các nơi phổ biến từ 120-310 mm.

Tuần đầu: nhiều mây, có mưa rào và dông nhiều nơi, ngày nắng gián đoạn.

Tuần giữa: mây thay đổi, đêm ít mưa, trưa và chiều có mưa rào và dông vài nơi; riêng các ngày 15, 16 và 20: nhiều mây, có mưa rào và dông nhiều nơi, có nơi mưa vừa, mưa to;

Tuần cuối: nhiều mây, có mưa rào và dông nhiều nơi, có nơi mưa vừa mưa to, riêng các ngày 22, 27, 28 và 31: mây thay đổi, ít mưa, ngày nắng.

Gió mạnh nhất hướng tây 8m/s, cấp 5 (ngày 09/8).

2. Nhiệt độ tại Trạm Khí tượng Càng Long:

Thấp hơn năm 2018:

- Trung bình: 27.1°C thấp hơn cùng kỳ năm trước 0.1°C.

- Cao nhất : 34.3°C cao hơn cùng kỳ năm trước 0.20C (ngày 28/8).

- Thấp nhất : 23.5°C thấp hơn cùng kỳ năm trước 0.20C (ngày 7 và 30/8).

3. Lượng mưa và độ ẩm:

Cao hơn năm 2018.

- Lượng mưa:

Nơi có lượng mưa lớn nhất tỉnh: 300,7mm tại huyện Càng Long (23 ngày mưa).

Nơi có lượng mưa lớn nhất 24h: 66.8mm huyện Càng Long (ngày 21/8).

Nơi có lượng mưa thấp nhất: 111mm tại Bến Giá (22 ngày mưa)

- Độ ẩm: Trung bình: 87%; Thấp nhất: 56% (ngày 14 và 17/8).

4. Số giờ nắng và lượng bốc hơi:

Xấp xỉ năm 2018.

Tổng số giờ nắng: 168giờ; Tổng lượng bốc hơi: 65mm.

II. Thủy văn:

Trong tháng 8, mực nước trên các sông chính dao động theo triều, giá trị cao nhất xuất hiện vào tuần cuối tháng.

1. Mực nước cao nhất:

- Trên sông Cổ Chiên tại vàm Trà Vinh: 143cm, ngày 31/8, thấp hơn cùng kỳ năm trước: 07cm.

- Trên sông Hậu tại thị trấn Cầu Quan: : 164cm, ngày 31/8, thấp hơn cùng kỳ năm trước: 08cm.

2. Mực nước thấp nhất:

- Trên các sông chính xuất hiện vào tuần đầu tháng ở mức thấp hơn cùng kỳ năm trước từ 20-30cm.

- Trên sông Cổ Chiên tại vàm Trà Vinh, Hmin: -178 cm, ngày 01/8.

- Trên sông Hậu tại thị trấn Cầu Quan, Hmin: -178 cm, ngày 02/8.

B. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH KTTV THÁNG 9 NĂM 2019:

I. Khí tượng:

1. Tình hình chung:

Nguyễn Thị Đoàn Diễm

Phạm Trường Chinh

1 - Đơn vị Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh

Phòng Quản lý Tài nguyên và Biển

Trong tháng 09/2019 thời tiết của tỉnh chịu ảnh hưởng bởi rìa phía nam dải hội tụ nhiệt đới có trục vắt qua khu vực Trung Bộ, gió mùa tây nam có cường độ trung bình đến mạnh. Trong tháng có khả năng xuất hiện 1-2 xoáy thuận nhiệt đới đi vào khu vực biển Đông gây thời tiết xấu cho tỉnh.

Do vậy, thời tiết của tỉnh trong tháng 9: có mưa rào và dông nhiều nơi tập trung vào tuần đầu và tuần giữa; tuần cuối có mưa rào và dông rải rác, có nơi mưa vừa mưa to, cần đề phòng sấm sét, lốc xoáy và gió giật mạnh trong cơn dông.

Thời tiết trên biển: có mưa rào và dông, cần đề phòng sấm sét, lốc xoáy và gió giật mạnh trong cơn dông.

Vùng biển từ Bà Rịa Vũng Tàu đến Cà Mau: gió tây nam cấp 5, có lúc cấp 6, một số ngày đầu tháng và cuối tháng để phòng gió giật cấp 7 đến cấp 9. Biển động.

Vùng biển Cà Mau - Kiên Giang và Phú Quốc: Gió tây nam cấp 4, giật trên cấp 5, một số ngày đầu tháng và cuối tháng có gió giật cấp 6 trên cấp 6. Biển động.

2. Dự báo lượng mưa và nhiệt độ:

Nhiệt độ ở mức cao hơn trung bình nhiều năm. Lượng mưa thấp hơn trung bình nhiều năm.

KHU VỰC	Lượng mưa (mm)	Nhiệt độ		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Ven biển	150-250	26-28	32-34	23-25
Thành phố Trà Vinh, huyện Càng Long, huyện Tiểu Cần, huyện Châu Thành, huyện Cầu Kè	150-250	26-28	32-34	23-25

II. Thủy văn:

Trong tháng 9, mực nước cao nhất trên các sông chính trong tỉnh xuất hiện vào tuần cuối tháng.

Bảng giá trị mực nước tại các sông chính trong tỉnh

Trạm	Hmax(cm)	Ngày	Hmin(cm)	Ngày
Trà Vinh	185	29,30/9	-140	09,10/9
Cầu Quan	195	29,30/9	-150	09,10/9

(Nguồn: Đài Khí tượng thủy văn Trà Vinh)

Thứ ba, trước khi tiến hành hòa giải, đối thoại, người thụ lý hồ sơ cần nắm thêm tình hình ở địa phương và kết hợp với các ban ngành, đoàn thể, Mặt trận (nếu người khiếu nại là dân tộc thiểu số thì mời thêm Ban Dân tộc) tham dự cuộc hòa giải, đối thoại, nhằm tranh thủ ý kiến vận động thuyết phục của các ngành; Bên cạnh đó, để làm tốt hơn công tác hòa giải, Thanh tra Sở cũng chủ động tìm hiểu và mời thêm những người am hiểu pháp luật ở địa phương và có uy tín đối với các bên đương sự để hỗ trợ tuyên truyền, giải thích các bên đi đến thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật, đạo đức xã hội và phong tục tập quán tốt đẹp, đây cũng là một cách làm sáng tạo của Thanh tra để tham mưu giúp Lãnh đạo Sở và thực tế đã mang lại hiệu quả cao trong thời gian qua.

Thứ tư, trong khi hòa giải, đối thoại, phải tạo cho đương sự một bầu không khí thoải mái để

họ có được trạng thái tâm lý tốt nhất giống như những người bạn tâm tình, bên cạnh đó cần phải nắm rõ tâm lý, yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn để khi làm việc với họ, chúng ta kiên trì giải thích pháp luật, giúp đỡ, thuyết phục bằng mọi biện pháp nghiệp vụ để họ nhận ra đúng, sai và đi đến tự nguyện rút đơn khiếu nại, tranh chấp hoặc tự thỏa thuận với nhau.

Kết quả hòa giải thành một vụ việc có ý nghĩa và giá trị rất lớn trong việc giữ gìn trật tự xã hội và hàn gắn tình làng nghĩa xóm. Vì khi thấu hiểu sự việc, các bên có thể từ kẻ thù thành bạn và có thể họ sẽ kể lại vụ việc của họ cho nhiều người khác cùng nghe và khi đó họ trở thành người cộng tác viên, hòa giải viên tuyên truyền pháp luật của Nhà nước. Trong thực tế, có những vụ việc tranh chấp tuy là giá trị tài sản không lớn nhưng vì danh dự, vì muốn hơn thua nên họ trở nên mâu thuẫn gai gắt

với nhau. Nắm được tâm lý của các bên và ngọn nguồn sự việc sẽ giúp ta chủ động và làm tốt công tác “Dân vận khéo”. Tính hiệu quả thiết thực mà công tác “Dân vận khéo” mang lại như sau:

- Rút ngắn thời gian giải quyết đơn thư, củng cố lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước;
- Giảm chi phí giải quyết cho ngân sách Nhà nước (như họp, xăng xe); Giảm chi phí đi lại cho người dân;
- Tuyên truyền và phổ biến pháp luật để người dân hiểu và chấp hành đúng pháp luật của Nhà nước;
- Củng cố được tình đoàn kết, hàn gắn được tình cảm trong nội bộ nhân dân, góp phần ổn định tình hình trật tự, an toàn xã hội, hạn chế được số lượng đơn thư phát sinh đến cơ quan hành chính nhà nước các cấp.
- Tránh được việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính khi 01 bên không thi hành quyết định giải quyết.

Tóm lại, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về công tác “Dân vận khéo” trong hòa giải, giải quyết tranh chấp, khiếu nại về đất đai hiện nay thực sự cần thiết. Muốn

làm tốt việc này, người cán bộ, đảng viên cần phải có “Một cái đầu lạnh” để phán xét, phải biết mềm mỏng nhưng cũng phải dứt khoát và “Một trái tim nóng” để yêu thương, phải có cái tâm và biết đặt mình vào hoàn cảnh của đương sự để có sự lắng nghe, thông cảm và chia sẻ, giúp đỡ đương sự nhận ra cái đúng cái sai nhằm giải tỏa được khúc mắc trong lòng họ để từ đó đưa ra hướng giải quyết có tình có lý. Cuộc đời sẽ dịu dàng biết mấy khi con người biết đặt mình vào vị trí của nhau. Công tác “Dân vận khéo” là ưu tiên hàng đầu, việc giải quyết bằng một phán quyết, một quyết định của cơ quan quyền lực Nhà nước chỉ nên áp dụng khi việc hòa giải là bất khả thi.

Thời gian qua, với hiệu quả thiết thực mang lại từ công tác “Dân vận khéo” trong hòa giải, giải quyết tranh chấp, khiếu nại đất đai nêu trên, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường nhận thấy có thể áp dụng được trong phạm vi toàn tỉnh, nhất là đối với địa phương, nếu được quan tâm làm tốt công tác “Dân vận khéo” sẽ giúp cho cấp huyện và tỉnh giảm được lượng đơn thư khiếu nại đáng kể. Và Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường hi vọng công tác này có thể được nhân rộng và ứng dụng rộng rãi trong thời gian tới.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THÁNG 8 NĂM 2019 ... (Tiếp theo trang 24)

hoạch số 01/KH-UBND và Kế hoạch số 52/KH-UBND của UBND tỉnh trên địa bàn tỉnh năm 2019.

- Thanh tra tài nguyên và môi trường: Tiếp dân tại Sở 07 lượt; nhận 03 đơn lĩnh vực đất đai (nội dung: tranh chấp đường đi công cộng (lấn chiếm đường); yêu cầu bồi thường; việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), xử lý: hướng dẫn gửi cơ quan có thẩm quyền 01 đơn, 02 đơn không đủ điều kiện xử lý. Đơn thuộc thẩm quyền do UBND tỉnh giao xác minh 04 đơn (đầu kỳ chuyển sang 01 đơn). Xử lý: báo cáo UBND tỉnh kết quả xác minh 02 đơn, đang thực hiện 02 đơn; Thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh 06 vụ việc.

Thực hiện theo Quyết định số 538/QĐ-UBND tỉnh ngày 04/4/2019 phê duyệt Danh mục thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm 2019 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh: Hoàn thiện báo cáo kết quả thanh tra 01 cuộc (các lĩnh vực đất đai, bảo vệ môi trường, tài nguyên nước) đối với 11 tổ chức, đang lập thủ tục triển khai 01 cuộc thanh tra đối với 10 tổ chức

(lĩnh vực đất đai); Tiến hành kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với các công trình, dự án phân lô bán nền trên địa bàn thành phố Trà Vinh; Kiểm tra đất đai và bảo vệ môi trường 03 khu đất: 01 khu diện tích khoảng 200ha đối với Công ty TNHH Xây dựng Hàm Giang; 02 khu đất tại Phường 2, thị xã Duyên Hải do Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý.

- Tổ chức, kết hợp với Tổ công tác của Chủ tịch UBND thành phố Trà Vinh kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản (cát sông) trên sông Cổ Chiên 04 đợt phát hiện 04 phương tiện vi phạm (chuyển Tổ công tác xử phạt 01 phương tiện, Thanh tra đang củng cố hồ sơ để xử phạt 03 phương tiện).

Ngoài kết quả nêu trên, Ban Lãnh đạo Sở còn tham dự nhiều cuộc họp, hội nghị theo Giấy mời; Các phòng, cơ quan, đơn vị thuộc Sở còn phối hợp thực hiện nhiều công việc có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của Ngành.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THÁNG 8 NĂM 2019

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH

Quách
Thiện
Nhật

■ ~~Trần Hồng Châu~~¹

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh; Thực hiện kế hoạch công tác năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường. Trong tháng 8 năm 2019, Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện nhiệm vụ, đạt được kết quả đáng ghi nhận.

Thứ nhất, về công tác chỉ đạo điều hành các nhiệm vụ chung và tham mưu xây dựng văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh. Ban Lãnh đạo Sở tập trung lãnh, chỉ đạo thực hiện một số mặt công tác sau: (1) Thông báo tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường qua đường dây nóng và hộp thư điện tử; (2) Hoàn thành 02 lớp tập huấn: Công tác GPMB, BT-HT-TĐC; Hòa giải ở cơ sở và công tác tiếp nhận xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai theo tinh thần chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 1965-TB/VPTU ngày 07/6/2019; (3) Lấy và tổng hợp ý kiến đóng góp Sở, ngành, địa phương đối với dự thảo Đề án tăng cường năng lực cho phòng TNMT huyện, thị xã, thành phố; Đề án tăng cường nhân lực cho công chức địa chính, môi trường các xã, phường, thị trấn; (4) Các báo cáo chuyên đề trong đó có phòng, chống tham nhũng.

Theo kế hoạch Sở tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh 15 văn bản, đã tham mưu 09 văn bản, trong đó: Sở đã trình và ban hành xong 04 văn bản và đã trình UBND tỉnh 05 văn bản nhưng chưa có kết quả phê duyệt.

Thứ hai, về công tác chuyên môn, theo có các lĩnh vực chính như sau:

- Lĩnh vực tài nguyên đất: Sở đã tham mưu UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2020 đạt 08/09 huyện, thị xã. Riêng thành phố Trà Vinh đã trình UBND tỉnh, đang chờ kết quả phê duyệt; Tổng hợp các công trình, dự án có sử dụng đất trồng lúa từ

10 ha đất trở lên thuộc trường hợp trình Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích đất lúa trên địa bàn 03 huyện Cầu Ngang, Tiểu Cần và thành phố Trà Vinh; Lấy ý kiến đóng góp của thành viên BCD, UBND các huyện, thị xã, thành phố đối với “Đề cương, dự toán điều tra xây dựng Bảng giá đất 05 năm (2020 - 2024) tỉnh Trà Vinh”. Sở đang tổng hợp, hoàn chỉnh Dự thảo Bảng giá đất 05 năm (2020 - 2024) và xây dựng báo cáo thuyết minh phương án giá đất; Tham mưu định giá đất cụ thể và giá khởi điểm 05 công trình dự án trên địa bàn tỉnh; Sở đã tổ chức xong Hội nghị triển khai kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019.

Quản lý 29 khu đất, với diện tích 1.202.667,84m² (trong đó có 01 khu chưa thống nhất nhận bàn giao ngoài thực địa do chưa có cọc ranh). Các khu đất được thực hiện kiểm tra hiện trạng định kỳ nhằm kịp thời phát hiện để báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp lấn chiếm, khai thác tài nguyên trái quy định. Công tác GPMB 50 công trình (trong đó, 30 công trình năm 2018 chuyển sang).

- Lĩnh vực tài nguyên và biển đảo: Sở đã nhận, thực hiện 14 hồ sơ thuộc lĩnh vực tài nguyên nước, nâng tổng số hồ sơ thực hiện: 29 hồ sơ (Trong đó, có 05 hồ sơ thăm dò nước dưới đất (04 hồ sơ đang tiến hành lấy ý kiến và chỉnh sửa đề án, 01 hồ sơ hoàn chỉnh thiết kế giếng); 22 hồ sơ cấp phép nước dưới đất (07 hồ sơ đang khảo sát thực tế, đang gửi để chỉnh sửa 04 hồ sơ, 11 hồ sơ trình UBND tỉnh xin gia hạn 11 giấy phép); 02 hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước).

Nhận, thực hiện 06 hồ sơ thuộc lĩnh vực khoáng sản (Trong đó, 01 hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác cát ven biển; 03 hồ sơ gia hạn khai thác cát sông; 02 hồ sơ xin nâng cấp trữ lượng cát sông). Tổ chức các bước thực hiện trong việc đấu giá quyền

1 - Đơn vị ~~Thanh tra~~ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh

khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát sông) tại xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Cập nhật bản tin thông báo KTTV trong tuần do Đài KTTV Trà Vinh thực hiện đến Phòng TNMT các huyện, thị xã, thành phố; Báo cáo tổng hợp ký kiến của các sở, ban, ngành liên quan và địa phương cho dự thảo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về các hành động, giải pháp đẩy mạnh thực hiện nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu; Đóng góp ý kiến đối với dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ kèm Quyết định số 934/QĐ-UBND của UBND tỉnh. Phối hợp Văn phòng Biến đổi khí hậu triển khai Kế hoạch tổ chức Hội thảo tuyên truyền về kịch bản biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh: 01 cuộc Hội thảo cấp tỉnh và 06 cuộc cấp huyện.

Tiếp tục Kế hoạch tuyên về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển và hải đảo Việt Nam năm 2019 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh: Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch số 35/KH-STNMT về việc tổ chức các hoạt động Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam và hưởng ứng Ngày Đại dương thế giới năm 2019. Thực hiện 01 hồ sơ Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu.

- Lĩnh vực môi trường: Tập huấn về tuyên truyền, nâng cao kiến thức BVMT và ĐKKH cho cán bộ phụ trách môi trường, Hội đoàn thể cấp huyện và cấp xã. Tập huấn về công tác phân loại, thu gom, xử lý chất thải y tế cho Trạm y tế xã, phường, thị trấn và Trung tâm y tế huyện.

Họp Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM 02 dự án và đề nghị chỉnh sửa, bổ sung 03 dự án; Cấp 01 Giấy xác nhận hoàn thành hạng mục công trình dự án; Cấp 02 Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại và hoàn trả 01 hồ sơ. Xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác BVMT các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn các huyện: Tiểu Cần, Cầu Kè, Càng Long, Cầu Ngang và Châu Thành; Kết luận kiểm tra việc chấp hành pháp luật về BVMT đối với 03/11 cơ sở.

Tham gia Đoàn công tác của Đội ứng phó nhanh ngăn chặn bệnh dịch tả lợn Châu Phi xâm nhiễm vào địa bàn tỉnh Trà Vinh giám sát việc tiêu hủy heo. Kết quả: Tính đến ngày 18/7/2019, dịch

bệnh đã phát hiện trên địa bàn 08 huyện, thị xã (trừ địa bàn thành phố Trà Vinh). Tổng số nhiễm bệnh 8.432 con, tổng trọng lượng khoảng 443 tấn, của 391 hộ, tiêu hủy tại 407 hố chôn.

Theo dõi kết quả giám sát môi trường nước thải, khí thải tự động liên tục của Công ty Nhiệt điện Duyên Hải; thực hiện rà soát kết quả quan trắc môi trường Quý II/2019 của Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 1, 3, Cảng biển Trung tâm điện lực Duyên Hải và Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Duyên Hải; Kiểm tra tiến độ xử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Định An (theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg đối với Công ty).

Ban hành Kế hoạch số 43/KH-STNMT ngày 25/7/2019 về nâng cao chất lượng thực hiện chỉ tiêu về môi trường đối với chất thải nguy hại và chất thải y tế theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Trà Vinh, lần thứ X (nhiệm kỳ 2015-2020) năm 2019; Kế hoạch số 47/KH-STNMT ngày 13/8/2019 về triển khai Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường. Trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022; Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong công tác BVMT trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; đề xuất UBND tỉnh thành lập Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Trà Vinh.

Báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng xã, huyện nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Thông báo tổ chức hướng dẫn huyện Cầu Kè thực hiện tiêu chí môi trường và các xã đăng ký nông thôn mới năm 2019 thực hiện tiêu chí môi trường (17.2; 17.3; 17.5; 17.7 và 17.9); Giới thiệu, đề nghị khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu thực hiện phong trào thi đua “Trà Vinh cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020”.

Đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện trên địa bàn 07/09 huyện, thị xã, gồm huyện Càng Long, Tiểu Cần, Cầu Ngang, Châu Thành, Duyên Hải, Trà Cú và thị xã Duyên Hải; Xây dựng Kế hoạch số 44/KH-STNMT ngày 31/7/2019 về tăng cường thực hiện và kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU, Chỉ thị số 48-CT/TU, Kế

(Xem tiếp trang 22)